

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Kim Nương.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

-Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-HN ngày 13 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Sơn Thị L**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp ĐT, xã PH, huyện CT, tỉnh TV (xin vắng mặt).

2.Bị đơn: Anh **Trương Hồng H**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp BC, xã TBT, huyện VH, tỉnh LA. (Đang chấp hành án tại Trại giam M, Cục C, Bộ Công An. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG) (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, chị và anh Trương Hồng H được sự chấp thuận của hai bên gia đình anh chị tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn

được Ủy ban nhân dân xã TBT, huyện VH, tỉnh LA cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2016 ngày 26-01-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau này anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H không lo làm ăn chỉ cò bạc gây nợ nần, chị đã trả nợ cho anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Đến năm 2019 anh H vi phạm pháp luật và đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Mỹ Phước, Cục C10- Bộ Công an. Thời gian sống chung, chị có khuyên can anh nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Hồng H.

Về nuôi con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Tại bản tự khai anh H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Sơn Thị L kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TBT, huyện VH, tỉnh LA cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 anh vi phạm pháp luật bị bắt đi chấp hành án phạt tù nên chị L xin ly hôn, giữa anh và chị L không mâu thuẫn gì. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý.

Về nuôi con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Linh, cho chị L ly hôn với anh H. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Sơn Thị L tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trương Hồng H, hiện nay anh H đang chấp hành án tại Trại giam M, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Sơn Thị L và bị đơn anh Trương Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị L và anh Trương Hồng H kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân xã TBT, huyện VH, tỉnh LA cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa chị L và anh H sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình, anh H không quan tâm lo cho gia đình cò bạc gây nợ, chị L đã cho anh nhiều cơ hội nhưng không khắc phục được. Anh H vi phạm pháp luật đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam M, anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Thời gian anh chị ly thân đã lâu, nay chị L xin ly hôn anh H không đồng ý vì cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn gì. Chị L cương quyết ly hôn do không còn tình cảm để hàn gắn, khi còn sống chung chị đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh H không thực hiện được; điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Sơn Thị L.

[4] Về nuôi con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Sơn Thị L phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Sơn Thị L và anh Trương Hồng H.

2. Về nuôi con chung: Không có..

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Sơn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20845 ngày 13-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị L đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị L, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã TBT, huyện VH, tỉnh LA;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền